

SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP - NĂM 2022
KHOA SÂN KHẤU - CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

TT	LỚP	MSSV	HỌ TÊN SINH VIÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GDQP-AN	GDTC	Điểm trung bình chung toàn khóa học (3)	Chính trị	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp (1)	Thực hành nghề nghiệp (2)	Điểm đánh giá XL tốt nghiệp	XẾP LOẠI	GHI CHÚ
1	DV25	18CDV02	NGUYỄN HUỲNH QUANG ANH	Nam	26/11/1999	Đồng Nai	6.2-TB.Khá	6.0-TB.Khá	8.0	8	8	9	8.3	Giỏi	
2	DV25	19CDV02	NGUYỄN CHU TUYẾT ANH	Nữ	19/10/2000	Thái Bình	7.2-Khá	7.7-Khá	8.2	6	7	9	8.3	Giỏi	
3	DV25	19CDV07	TRẦN PHƯỚC HẢI DƯƠNG	Nam	11/07/2001	Đồng Tháp	7.6-Khá	9.0-Xuất sắc	8.2	8	8	7	7.8	Khá	
4	DV25	19CDV08	NGUYỄN HUỲNH PHƯƠNG DUY	Nam	01/08/1999	TPHCM	7.1-Khá	7.7-Khá	7.7		7	9			Không đạt
5	DV25	19CDV09	LÊ THỊ DUYÊN ĐẠO	Nữ	09/12/2000	Kiên Giang	7.5-Khá	9.2-Xuất sắc	8.7	8	7	8	8.2	Giỏi	
6	DV25	19CDV12	TRẦN MINH HÀO EM	Nam	24/09/2001	Kiên Giang	6.7-TB.Khá	9.2-Xuất sắc	7.8			9			Không đạt
7	DV25	19CDV16	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	Nữ	06/10/2001	Tiền Giang	7.1-Khá	9.4-Xuất sắc	8.1	6	8	9	8.4	Giỏi	
8	DV25	19CDV21	NGUYỄN PHÚC KHÁNH	Nam	13/08/2001	Bến Tre	5.4-Trung bình	8.2-Giỏi	7.8	6	6	9	7.9	Khá	
9	DV25	19CDV25	DUƠNG THỊ NGỌC MAI	Nữ	06/08/2000	TPHCM	7.0-Khá	9.4-Xuất sắc	8.5	7	7	9	8.4	Giỏi	
10	DV25	19CDV29	LÊ THỊ HUỲNH NHƯ	Nữ	24/01/2001	Tiền Giang	6.2-TB.Khá	7.9-Khá	7.5	5	6	8	7.4	Khá	
11	DV25	19CDV31	PHẠM TUẤN PHONG	Nam	09/11/1998	Tây Ninh	6.1-TB.Khá	8.1-Giỏi	7.3	5	8	8	7.7	Khá	
12	DV25	19CDV33	NGUYỄN THỊ MINH THÚY	Nữ	10/10/1999	Thanh Hóa	7.1-Khá	8.3-Giỏi	7.7	6	7	8	7.7	Khá	
13	DV25	19CDV34	PHẠM THỊ CẨM TIỀN	Nữ	15/07/1999	An Giang	7.1-Khá	8.4-Giỏi	8.2	7	8	9	8.4	Giỏi	
14	DV25	19CDV36	NGUYỄN MINH TIỀN	Nam	01/10/1999	Tây Ninh	7.2-Khá	8.1-Giỏi	8.5	8	7	10	8.8	Giỏi	
15	DV25	19CDV38	NGUYỄN QUỐC TRUNG	Nam	02/09/2000	Long An	7.0-Khá	8.9-Giỏi	8.4	6	7	9	8.4	Giỏi	
16	DV25	19CDV39	NGUYỄN NHỰT TRƯỜNG	Nam	20/02/2000	Tiền Giang	8.0-Giỏi	9.2-Xuất sắc	8.1	7	8	9	8.4	Giỏi	

TT	LỚP	MSSV	HỌ TÊN SINH VIÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GDQP-AN	GDTC	Điểm trung bình chung toàn khóa học (3)	Chính trị	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp (1)	Thực hành nghề nghiệp (2)	Điểm đánh giá XL tốt nghiệp	XẾP LOẠI	GHI CHÚ
17	DV25	19CDV41	TRẦN HOÀNG TUẤN	Nam	24/10/2001	Tiền Giang	6.3-TB.Khá	9.2-Xuất sắc	7.8	6	7	8	7.7	Khá	
18	DV24	18CDV48	NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯỢNG	Nữ	08/7/2000	Lâm Đồng	6.3-TB.KHÁ	6.0-TB.KHÁ	7.6	7	7	9	8.0	Giỏi	
19	DV24	18CDV55	ĐỖ ĐANG TRƯỜNG	Nam	18/9/2000	Bình Định	5.7-TRUNG BÌNH	6.0-TB.KHÁ	6.9	6	6	8	7.1	Khá	
20	DV24	18CDV61	NGUYỄN TRƯỞNG THẢO VY	Nữ	05/8/1999	Cần Thơ	6.3-TB.KHÁ	6.0-TB.KHÁ	7.1	7	6	9	7.6	Khá	
21	ĐD24	18CDD01	NGUYỄN THỊ NHẬT ÁI	Nữ	15/01/1996	Tây Ninh	6.1-TB.KHÁ	6.5-TB.KHÁ	7.8	7	7	8	7.7	Khá	
22	ĐD24	18CDD08	LÊ NGỌC THẢO VY	Nữ	18/11/1997	Trà Vinh	5.6-TRUNG BÌNH	6.5-TB.KHÁ	7.9	7	9	9	8.5	Giỏi	
23	ĐD23	17CDD03	NGUYỄN NHẬT HẢO	Nam	01/12/1997	Long An	6.8-TB.Khá	6.2-TB.Khá	7.3	7	9	10	8.5	Giỏi	

Danh sách: **23**
 Nam: 12
 Nữ: 11

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2022